

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/DS-PT

Ngày: 14 - 6- 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DSST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Thành K, sinh năm 1953

Nơi cư trú: số nhà B3, tổ 70, Khóm 2, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quang Huy C, sinh năm 1988

Nơi cư trú: số nhà 33/23Y, đường Phạm Thái Bường, Phường B, thành phố V Long, tỉnh Vĩnh Long theo Văn bản ủy quyền ngày 23/9/2021

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV M

Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 126/21G, đường Trần Phú, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Xuân Quyên, sinh năm 1986, chức danh: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chính Th, sinh năm 1977, địa chỉ: số 125A, đường Nguyễn Văn Lâu, Phường C, thành phố Vĩnh Long theo Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Ngô Thành K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2021; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 20/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Thành K cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bắt đầu từ năm 2019, ông K và Công ty TNHH MTV M đã xác lập các giao dịch mua bán cá tra nguyên liệu. Ngày 23/6/2020, ông K và Công ty M ký kết Hợp đồng kinh tế số 02CT-KHOANH/2020, nội dung ông K bán cá tra nguyên liệu ao số 03 khoảng 780 tấn, ao số 04 khoảng 570 tấn, giá 19.000 đồng/kg, địa chỉ giao cá tại ấp Phú Thạnh, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phương thức thanh toán: Sau khi ký hợp đồng, Công ty M trả ông K số tiền 10.000.000.000 đồng; số tiền còn lại thanh toán 30 - 45 ngày sau khi có số lượng thực nhận cá.

Ngày 19/02/2021, ông K và Công ty M ký kết tiếp Hợp đồng kinh tế số 01CT-KHOANH/2021, nội dung ông K bán cá tra nguyên liệu ao số 03 khoảng 390 tấn, ao số 04 khoảng 370 tấn, giá 21.000 đồng/kg, địa chỉ giao cá tại ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Phương thức thanh toán: Công ty M trả ông K số tiền mua cá 45 ngày sau khi có số lượng thực nhận cá.

Thực hiện hợp đồng, Công ty M bắt cá tại ao nuôi, các lần giao nhận cá đều có Biên nhận bàn giao cá, cụ thể như sau:

- Ngày 03/7/2020: nơi bắt cá: ao số 04, địa chỉ: xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; số lượng 538.340kg.

- Ngày 13/7/2020: nơi bắt cá: ao số 02, địa chỉ: xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; số lượng 396.700kg.

- Ngày 19/7/2020: nơi bắt cá: ao số 06, địa chỉ: xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; số lượng 614.383kg.

- Ngày 29/7/2020: nơi bắt cá: ao số 03, địa chỉ: xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; số lượng 796.047kg.

- Ngày 03/3/2021: nơi bắt cá: ao số 04, địa chỉ: ấp An Hương, xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; tổng số lượng 344.880kg.

- Ngày 09/3/2021: nơi bắt cá: ao số 03, địa chỉ: ấp An Hương, xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; tổng số lượng 426.372kg.

Sau các lần giao nhận cá như trên, tổng số tiền Công ty M thanh toán cho ông K là 60.760.222.000 đồng. Công ty M trả ông K nhận 56.500.000.000 đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/9/2021 xác định Công ty M còn nợ ông

K số tiền 5.260.222.000 đồng. Ngày 07/10/2021, Công ty M trả ông K số tiền 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 15/11/2021, Công ty M trả xong nợ gốc 4.260.222.000 đồng.

Ông K khởi kiện yêu cầu Công ty M trả ông K tiền lãi chậm trả với lãi suất 1%/tháng từ ngày hết 45 ngày sau khi có biên nhận thực nhận cá đến ngày 15/11/2021, cụ thể 06 ao cá như sau:

- Ao số 04, địa chỉ xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long: 6.294.820 đồng.
- Ao số 02, địa chỉ xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: 35.634.970 đồng.
- Ao số 06, địa chỉ xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: 217.949.672 đồng.
- Ao số 03, địa chỉ xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long: 894.394.139 đồng.
- Ao số 04, địa chỉ xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: 159.823.480 đồng.
- Ao số 03, địa chỉ xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: 500.923.304 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 1.815.020.385 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty M cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty M có ký hợp đồng mua cá tra nguyên liệu với ông K như ông K trình bày. Đến ngày 27/9/2021, Công ty M và ông K ký kết Biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty M nợ ông K số tiền 5.260.222.000 đồng, không thể hiện nợ lãi. Ngày 07/10/2021, Công ty M trả ông K số tiền 1.000.000.000 đồng. Các ngày 20/10/2021, 26/10/2021, Công ty M trả ông K hai lần, mỗi lần trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 10/11/2021, Công ty M trả tiếp 1.200.000.000 đồng; ngày 12/11/2021 trả tiếp 60.222.000 đồng và ngày 15/11/2021 trả tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 16/11/2021, Công ty M và ông K ký kết Biên bản đối chiếu công nợ xác định Công ty M nợ ông Khoảnh 0 đồng, không ghi nhận nợ lãi.

Theo yêu cầu khởi kiện của ông K, Công ty M không đồng ý. Vì trong hai hợp đồng kinh tế đã ký kết, Công ty M và ông K không thỏa thuận trả lãi chậm trả. Trong các tài liệu như Bảng kê thanh toán, Tờ ủy nhiệm chi đều không ghi rõ Công ty M chuyển tiền ông K thanh toán của ao cá nào, địa chỉ ao cá tại đâu nên

ông K quy ra tiền trả từng ao cá, tự tính lãi chậm trả các ao là không đúng. Trong các Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 27/9/2021, 16/11/2021 đều không ghi nhận Công ty M nợ lãi. Đến ngày 15/11/2021, công nợ của Công ty M với ông K là 0 đồng. Từ cơ sở trên, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DSST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 433, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thành K.

Buộc Công ty M trả ông Ngô Thành K số tiền 30.742.000 đồng (ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15/3/2022 ông Ngô Thành K nộp đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu công ty M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến ngày 15/11/2021 (tạm tính từ ngày 20/8/2020- 15/11/2021) là 1.815.020.385đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Ngô Thành K cũng như người đại diện theo ủy quyền rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 423.724.129đ. Nay yêu cầu công ty M trả lãi với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng bằng 1.391.296.256đ.

Ý kiến của bị đơn: không đồng ý theo kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ y án sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Ngày 02/3/2022 Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 14/3/2022 ông ông Ngô Thành K có đơn kháng cáo là còn trong thời gian luật định. Ông K là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay, ông Ngô Thành K rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền lãi. Ông Khoảnh yêu cầu Công ty M trả cho ông Ngô Thành K tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tính đến ngày 15/11/2021 = 1.391.296.256đ. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của ông K là tự nguyện, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo mà ông K đã rút.

- Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Thành K là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Ông Ngô Thành K và Công ty M có ký kết Hợp đồng kinh tế số 02CT-KHOANH/2020 ngày 23/6/2020 về việc mua bán cá tra nguyên liệu. Thực hiện hợp đồng trên, Cty M đã nhận 04 đợt, tổng cộng 2.345.470Kg cá, thành tiền 44.563.930.000đ. Cty M đã thanh toán cho ông K nhiều lần đến ngày 24/02/2021 được số tiền 39.500.000.000đ. Ngày 19/02/2021, ông K và Công ty M ký kết tiếp Hợp đồng kinh tế số 01CT-KHOANH/2021 về mua bán cá tra nguyên liệu. Cty M đã nhận 02 đợt, tổng cộng 771.252Kg cá, thành tiền 16.196.292.000đ. Sau đó Cty M tiếp tục thanh toán nhiều lần cho ông K, đến hết ngày 27/9/2021 theo biên bản đối chiếu công nợ thì Cty M còn nợ ông K số tiền 5.260.222.000đ. Từ ngày 07/10/2021 đến ngày 15/11/2021 Cty M đã chuyển trả cho ông K 06 lần với tổng số tiền 5.260.222.000đ. Ông K trình bày, theo hợp đồng mua bán đã ký kết, sau khi có số lượng thực nhận từng đợt, phía Cty M sẽ thanh toán hết số tiền mua cá cho ông K trong thời hạn 45 ngày, nhưng do Cty M không thanh toán tiền cho ông K đúng thời hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông K yêu cầu Cty M phải chịu lãi chậm trả đối với từng biên nhận theo từng đợt. Bị đơn Cty M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Khoảnh, lý do khi ký kết hợp đồng, hai bên không thỏa thuận lãi chậm trả.

Xét thấy, theo Hợp đồng kinh tế ngày 23/6/2020 và Hợp đồng mua bán ngày 19/02/2021 giữa Cty M và ông Ngô Thành K thể hiện nội dung: ông K bán cá tra nguyên liệu cho Cty M, phương thức thanh toán 45 ngày sau khi có số lượng thực nhận. Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ đã qui định trong hợp đồng thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý mà không cần biên bản thanh lý giữa hai

bên.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 02CT-KHOANH/2020 ngày 23/6/2020, Cty Cát Tường đã nhận cá 04 đợt, cụ thể:

+ Ngày 03/7/2020 số lượng 538.340kg x 19.000đ/Kg = 10.228.460.000đ

+ Ngày 13/7/2020 số lượng 396.700kg x 19.000đ/Kg = 7.537.300.000đ

+ Ngày 19/7/2020 số lượng 614.383kg x 19.000đ/Kg = 11.673.277.000đ

+ Ngày 29/7/2020 số lượng 796.047kg x 19.000đ/Kg = 15.124.893.000đ

Tổng cộng 2.345.470Kg cá, thành tiền 44.563.930.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Cty M đã thanh toán cho ông K nhiều lần từ ngày 09/7/2020 đến ngày 09/12/2020 số tiền 30.000.000.000đ, không ghi rõ chuyển trả tiền mua cá theo biên nhận ngày nào. Ngày 10/01/2021 ông K và Cty M ký biên bản đối chiếu công nợ, tính đến hết ngày 31/12/2020 Cty M còn phải trả cho ông K 14.563.930.000đ. Không thể hiện tiền lãi phát sinh nếu chậm thanh toán. Cty M tiếp tục thanh toán cho ông K nhiều lần từ ngày 21/01/2021 đến ngày 24/02/2021 tổng số tiền 9.500.000.000đ. Ngày 19/02/2021, ông K và Công ty M ký kết tiếp Hợp đồng kinh tế số 01CT-KHOANH/2021 về mua bán cá tra nguyên liệu. Nội dung thỏa thuận giống như Hợp đồng ngày 23/6/2020. Thực hiện Hợp đồng thứ hai, Cty M đã nhận 02 đợt cá tra nguyên liệu, cụ thể:

+ Ngày 03/3/2021, số lượng 344.880kg x 21.000đ/Kg = 7.242.480.000đ

+ Ngày 09/3/2021 số lượng 426.372kg x 21.000đ/Kg = 8.953.812.000đ

Tổng cộng 771.252Kg cá, thành tiền 16.196.292.000đ

Tính đến thời điểm ký kết hợp đồng thứ hai, Công ty M đã vi phạm thời hạn thanh toán theo hợp đồng thứ nhất và còn nợ tiền cá tra nguyên liệu số tiền 5.063.930.000đ, nhưng phía ông K không có yêu cầu Cty M phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả mà vẫn tiếp tục ký kết hợp đồng thứ hai. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 21/5/2021 Cty M thanh toán nhiều lần cho ông K, tổng số tiền 6.000.000.000đ. Ngày 01/6/2021 ông K và Cty M ký biên bản đối chiếu công nợ tính đến hết ngày 31/5/2021, Cty M đã trả cho ông K 15.500.000.000đ, còn phải trả cho ông K số tiền 15.260.222.000đ, không thể hiện tiền lãi phát sinh nếu chậm thanh toán. Như vậy tính đến thời điểm này số tiền còn nợ 15.260.222.000đ thấp hơn tiền mua cá tra của hợp đồng thứ hai (16.196.292.000đ) nên có căn cứ xác định Cty M đã thanh toán xong tiền cá tra nguyên liệu của hợp đồng thứ nhất và theo thỏa thuận thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý, không cần biên bản thanh lý giữa hai bên. Sau đó Cty M tiếp tục thanh toán tiền cá tra cho ông K

nhều lần, các lần thanh toán đều không ghi trả cho biên nhận nào. Giữa ông K và Cty M có lập các biên bản đối chiếu công nợ vào các ngày 02/7/2021, ngày 20/9/2021 và 27/9/2021, tất cả các lần đối chiếu đều không ghi tiền lãi phát sinh. Sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/9/2021, ông K có đơn khởi kiện yêu cầu Cty M trả lãi chậm trả là có căn cứ. Do các bên không có thỏa thuận lãi suất phát sinh chậm trả, nên án sơ thẩm áp dụng thời gian tính lãi chậm trả kể từ ngày lập biên bản đối chiếu công nợ sau cùng (tức là ngày 27/9/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy án sơ thẩm buộc Cty M chịu tiền lãi chậm trả theo từng lần thanh toán với tổng số tiền 30.742.000đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015;

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo mà ông K đã rút.

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Thành K

+ Giữ nguyên án sơ thẩm. Ông K được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 15/3/2022 ông Ngô Thành K có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Ngô Thành K và Công ty M có ký kết với nhau các Hợp đồng kinh tế số 02 CT – KHOANH/2020 ngày 23/6/2020 và Hợp đồng kinh tế số 01 CT – KHOANH/2021 ngày 19/02/2021 về việc mua bán cá tra nguyên liệu là có thật được hai bên xác nhận. Hợp đồng thỏa thuận Công ty M mua cá tra nguyên liệu của ông Ngô Thành Khoảnh nuôi tại các ao 03, 04 ở ấp Phú Thạnh, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và các ao 03, 04 ở ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Dựa vào 02 Hợp đồng kinh tế và trên thực tế

ngoài các ao cá trên ông K còn bán cá cho Công ty M tại các ao 02, 06 ở xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Theo các biên nhận từ ngày 03/7/2020 đến ngày 09/3/2021 Công ty M chế biến mua cá của ông K tổng cộng 3.116.722kg. Ngày 27/9/2021 hai bên cùng ký công nợ xác định Công ty M còn nợ ông K số tiền chưa trả là 5.260.222.000đ. Tại biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký hai bên đều thừa nhận nhưng ông K chưa yêu cầu tính lãi chậm trả. Nay ông K yêu cầu là có căn cứ do bị đơn vi phạm khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 02CT – KHOANH/2020 ngày 26/3/2020 và hợp đồng kinh tế số 01/CT – KHOANH/2021 ngày 19/02/2021.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên án sơ thẩm: chấp nhận một phần yêu cầu của ông K. Buộc Công ty M trả ông Ngô Thành K số tiền: 30.742.000đ.

Ông K không đồng ý như án sơ thẩm đã tuyên và kháng cáo yêu cầu Công ty M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 1% trên tháng cho đến ngày 15/11/2021 (tính từ ngày 20/8/2020 – 15/11/2021) là 1.815.020.385đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 423.724.129đ nên hủy đình chỉ đối với phần ông K đã rút. Ông K chỉ còn yêu cầu công ty M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng cho đến ngày 15/11/2021 (tính từ ngày 20/8/2020- 15/11/2021) là 1.391.296.256đ.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông K: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã được hai bên có thỏa thuận ký kết phía Công ty M sẽ thanh toán cho bên ông K 45 ngày sau khi có số lượng thực nhận đã được hai bên xác nhận. Nhưng thực tế phía Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 02CT – KHOANH/2020 ngày 26/3/2020 và Hợp đồng kinh tế số 01/CT – KHOANH/2021 ngày 19/02/2021 có nêu: “Bên A sẽ thanh toán cho bên B 45 ngày sau khi có số lượng thực nhận” như vậy đối chiếu với hợp đồng hai bên ký kết thì Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thời gian thanh toán theo thỏa thuận. Nên Công ty phải có nghĩa vụ chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 là 0,83%/tháng. Do đó kháng cáo của ông Ngô Thành K là có cơ sở để chấp nhận.

Lãi suất chậm trả đối với từng ao cá được tính như sau:

1. Ao số 4 ở ấp Phú Thạnh, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 03/7/2020 bắt 538.340kg cá tra nguyên liệu giá 19.000đ thành tiền 10.228.460.000đ. Sau 45 ngày là ngày 19/8/2020.

+ Ngày 20/8/2020 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 2.228.460.000đ là chậm trả 7 ngày (từ 20/8/2020 – 26/8/2020).

$$* 0.83\% \times 2.228.460.000\text{đ}/30 \times 7 \text{ ngày} = 4.315.784\text{đ}$$

+ Ngày 27/8/2020 M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 228.460.000đ là chậm trả 6 ngày (từ 27/8/2020 – 02/9/2020).

$$* 0.83\% \times 228.460.000\text{đ}/30 \times 6 \text{ ngày} = 379.244\text{đ}$$

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 4 xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là 4.695.028đ

2. Ao số 2 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 13/7/2020 bắt 396.700kg cá tra nguyên liệu giá 19.000đ thành tiền 7.537.300.000đ. Sau 45 ngày là ngày 29/8/2020.

+ Từ 29/8/2020 – 02/9/2020 Công ty M còn nợ 7.537.300.000đ là chậm trả 4 ngày

$$* * 0.83\% \times 7.537.300.000\text{đ}/30 \times 4 \text{ ngày} = 8.341.279\text{đ}$$

+ Ngày 03/9/2020 Công ty M trả 1.771.540.000đ. Công ty còn nợ 5.765.760.000đ là chậm trả 7 ngày (từ 03/9/2020 – 9/9/2020).

$$* 0.83\% \times 5.765.760.000\text{đ} /30 \times 7 \text{ ngày} = 11.166.355\text{đ}$$

+ Ngày 10/9/2020 Công ty M trả 3.000.000.000đ. Công ty còn nợ 2.765.760.000đ là chậm trả 7 ngày (10/9/2020 -16/9/2020).

$$* 0.83\% \times 2.765.760.000\text{đ} \text{ đ}/30 \times 7 \text{ ngày} = 5.356.355\text{đ}$$

+ Ngày 17/9/2020 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 765.760.000đ là chậm trả 5 ngày (17/9/2020 -21/9/2020).

$$* 0.83\% \times 765.760.000\text{đ} /30 \times 7 \text{ ngày} = 1.059.301\text{đ}$$

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 2 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 25.923.209đ

3. Ao số 6 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 19/7/2020 bắt 614.383kg cá tra nguyên liệu giá 19.000đ thành tiền 11.673.277.000đ. Sau 45 ngày là ngày 05/9/2020.

+ Từ 05/9/2020 – 21/9/2020 Công ty M còn nợ 11.673.277.000đ là chậm trả 17 ngày.

$$* 0.83\% \times 11.673.277.000\text{đ}/30 \times 17 \text{ ngày} = 54.903.313\text{đ}$$

+ Ngày 22/9/2020 Công ty M trả 3.234.240.000đ Công ty còn nợ 8.439.037.000đ là chậm trả 23 ngày (22/9/2020 -14/10/2020).

$$* 0.83\% \times 8.439.037.000\text{đ}/30 \times 23 \text{ ngày} = 53.700.405\text{đ}$$

+ Ngày 15/10/2020 Công ty M trả 2.000.000.000đ. Công ty còn nợ 6.439.037.000đ là chậm trả 13 ngày (15/10/2020 -27/10/2020).

$$* 0.83\% \times 6.439.037\text{đ}/30 \times 13 \text{ ngày} = 23.159.070\text{đ}$$

+ Ngày 28/10/2020 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 4.439.037.000đ là chậm trả 6 ngày (28/10/2020 -03/11/2020).

$$* 0.83\% \times 4.439.037\text{đ}/30 \times 6 \text{ ngày} = 7.368.801\text{đ}$$

+ Ngày 04/11/2020 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 2.439.037.000đ là chậm trả 22 ngày (04/11/2020 -25/11/2020).

$$* 0.83\% \times 2.439.037\text{đ}/30 \times 22 \text{ ngày} = 14.854.605\text{đ}$$

+ Ngày 26/11/2020 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 1.439.037.000đ là chậm trả 13 ngày (26/11/2020 -08/12/2020).

$$* 0.83\% \times 1.439.037\text{đ}/30 \times 13 \text{ ngày} = 5.175.736\text{đ}$$

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 6 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 159.152.931đ

4. Ao số 3 xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 29/7/2020 bắt 796.047kg cá tra nguyên liệu giá 19.000đ thành tiền 15.124.893.000đ. Sau 45 ngày là ngày 15/9/2020.

+ Từ 15/9/2020- 08/12/2020 Công ty M còn nợ 15.124.893.000đ là chậm trả 83 ngày.

$$* 0.83\% \times 15.124.893.000\text{đ}/30 \times 83 \text{ ngày} = 347.317.960\text{đ}$$

+ Ngày 09/12/2020 Công ty M trả 560.963.000đ. Công ty còn nợ 14.563.930.000đ là chậm trả 41 ngày (từ 09/12/2020 -20/01/2021).

$$* 0.83\% \times 14.563.930.000\text{đ}/30 \times 41 \text{ ngày} = 165.203.513\text{đ}$$

+ Ngày 21/01/2021 Công ty M trả 5.000.000.000đ. Công ty còn nợ 9.563.930.000đ là chậm trả 8 ngày (từ 21/01/2021 -28/01/2021).

$$* 0.83\% \times 9.563.930.000\text{đ}/30 \times 8 \text{ ngày} = 21.168.165\text{đ}$$

+ Ngày 29/01/2021 Công ty M trả 1.500.000.000đ Công ty còn nợ 8.063.930.000đ là chậm trả 10 ngày (từ 29/01/2021 -08/02/2021).

$$* 0.83\% \times 8.063.930.000\text{đ}/30 \times 10 \text{ ngày} = 22.310.206\text{đ}$$

+ Ngày 09/02/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 7.063.930.000đ là chậm trả 15 ngày (từ 09/02/2021 -23/02/2021).

$$* 0.83\% \times 7.063.930.000\text{đ}/30 \times 15 \text{ ngày} = 29.315.310\text{đ}$$

+ Ngày 24/02/2021 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 5.063.930.000đ là chậm trả 37 ngày (từ 24/02/2021 -30/3/2021).

$$* 0.83\% \times 5.063.930.000\text{đ}/30 \times 37 \text{ ngày} = 51.837.763\text{đ}$$

+ Ngày 01/4/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ. Công ty còn nợ 4.063.930.000đ là chậm trả 8 ngày (từ 01/4/2021 -08/4/2021).

$$* 0.83\% \times 4.063.930.000\text{đ}/30 \times 8 \text{ ngày} = 8.994.832\text{đ}$$

+ Ngày 09/4/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ. Công ty còn nợ 3.063.930.000đ là chậm trả 6 ngày (từ 09/4/2021 -14/4/2021).

$$* 0.83\% \times 3.063.930.000\text{đ}/30 \times 6 \text{ ngày} = 5.086.124\text{đ}$$

+ Ngày 15/4/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ. Công ty còn nợ 2.063.930.000đ là chậm trả 22 ngày (từ 15/4/2021 -06/5/2021).

$$* 0.83\% \times 2.063.930.000\text{đ}/30 \times 22 \text{ ngày} = 12.562.454\text{đ}$$

+ Ngày 07/5/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ. Công ty còn nợ 1.063.930.000đ là chậm trả 7 ngày (từ 07/5/2021 -13/5/2021).

$$* 0.83\% \times 1.063.930.000\text{đ}/30 \times 7 \text{ ngày} = 2.060.478\text{đ}$$

+ Ngày 14/5/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ. Công ty còn nợ 63.930.000đ là chậm trả 7 ngày (từ 14/5/2021 -20/5/2021).

$$* 0.83\% \times 63.930.000\text{đ}/30 \times 7 \text{ ngày} = 123.811\text{đ}$$

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 3 xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là 665.980.615đ

5. Ao số 4 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 03/3/2021 bắt 344.880kg cá tra nguyên liệu giá 21.000đ thành tiền 7.242.480.000đ. Sau 45 ngày là ngày 19/4/2021.

+ Từ 19/4/2021- 20/5/2021 Công ty M còn nợ 7.242.480.000đ là chậm trả 32 ngày.

$$* 0.83\% \times 7.242.480.000\text{đ}/30 \times 32 \text{ ngày} = 64.120.090\text{đ}$$

+ Ngày 21/5/2021 Công ty M trả 936.070.000đ Công ty còn nợ 6.306.410.000đ là chậm trả 13 ngày (từ 21/5/2021 -03/6/2021).

$$* 0.83\% \times 6.306.410.000\text{đ} / 30 \times 13 \text{ ngày} = 22.682.055\text{đ}$$

+ Ngày 04/6/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 5.306.410.000đ là chậm trả 7 ngày (từ 04/6/2021 -10/6/2021).

$$* 0.83\% \times 5.306.410.000\text{đ} / 30 \times 7 \text{ ngày} = 10.276.747\text{đ}$$

+ Ngày 11/6/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 4.306.410.000đ là chậm trả 6 ngày (từ 11/6/2021 -16/6/2021).

$$* 0.83\% \times 4.306.410.000\text{đ} / 30 \times 6 \text{ ngày} = 7.148.641\text{đ}$$

+ Ngày 17/6/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 3.306.410.000đ là chậm trả 5 ngày (từ 17/6/2021 -21/6/2021).

$$* 0.83\% \times 3.306.410.000\text{đ} / 30 \times 5 \text{ ngày} = 4.573.867\text{đ}$$

+ Ngày 22/6/2021 Công ty M trả 2.000.000.000đ Công ty còn nợ 1.306.410.000đ là chậm trả 30 ngày (từ 22/6/2021 -21/7/2021).

$$* 0.83\% \times 1.306.410.000\text{đ} / 30 \times 30 \text{ ngày} = 10.843.203\text{đ}$$

+ Ngày 22/7/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 306.410.000đ là chậm trả 47 ngày (từ 22/7/2021 -08/9/2021).

$$* 0.83\% \times 306.410.000\text{đ} / 30 \times 47 \text{ ngày} = 3.984.351\text{đ}$$

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 4 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 123.628.954đ

6. Ao số 3 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 09/3/2021 bắt 426.372kg cá tra nguyên liệu giá 21.000đ thành tiền 8.953.812.000đ. Sau 45 ngày là ngày 25/4/2021.

+ Từ 25/4/2021- 08/9/2021 Công ty M còn nợ 8.953.812.000đ là chậm trả 133 ngày.

$$* 0.83\% \times 8.953.812.000\text{đ} / 30 \times 133 \text{ ngày} = 329.470.436\text{đ}$$

+ Ngày 09/9/2021 Công ty M trả 693.590.000đ Công ty còn nợ 8.260.222.000đ là chậm trả 6 ngày (từ 09/9/2021 -14/9/2021).

$$* 0.83\% \times 8.260.222.000\text{đ} / 30 \times 6 \text{ ngày} = 13.711.969\text{đ}$$

+ Ngày 15/9/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 7.260.222.000đ là chậm trả 9 ngày (từ 15/9/2021 -23/9/2021).

*** $0.83\% \times 7.260.222.000đ / 30 \times 9 \text{ ngày} = 18.077.953đ$**

+ Ngày 24/9/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 6.260.222.000đ là chậm trả 3 ngày (từ 24/9/2021 -26/9/2021).

*** $0.83\% \times 6.260.222.000đ / 30 \times 3 \text{ ngày} = 5.195.984đ$**

+ Ngày 27/9/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 5.260.222.000đ là chậm trả 10 ngày (từ 27/9/2021 -06/10/2021).

*** $0.83\% \times 5.260.222.000đ / 30 \times 10 \text{ ngày} = 14.553.281đ$**

+ Ngày 07/10/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 4.260.222.000đ là chậm trả 13 ngày (từ 07/10/2021 -19/10/2021).

*** $0.83\% \times 4.260.222.000đ / 30 \times 13 \text{ ngày} = 15.322.598đ$**

+ Ngày 20/10/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 3.260.222.000đ là chậm trả 06 ngày (từ 20/10/2021 -25/10/2021).

*** $0.83\% \times 3.260.222.000đ / 30 \times 6 \text{ ngày} = 5.411.969đ$**

+ Ngày 26/10/2021 Công ty M trả 1.000.000.000đ Công ty còn nợ 2.260.222.000đ là chậm trả 14 ngày (từ 26/10/2021 -09/11/2021).

*** $0.83\% \times 2.260.222.000đ / 30 \times 14 \text{ ngày} = 8.754.593đ$**

+ Ngày 10/11/2021 Công ty M trả 1.200.000.000đ Công ty còn nợ 1.060.222.000đ là chậm trả 02 ngày (từ 10/11/2021 -11/11/2021).

*** $0.83\% \times 1.060.222.000đ / 30 \times 2 \text{ ngày} = 586.656đ$**

+ Ngày 12/11/2021 Công ty M trả 60.222.000đ Công ty còn nợ 1.000.000.000đ là chậm trả 03 ngày (từ 12/11/2021 -14/11/2021).

*** $0.83\% \times 1.000.000.000đ / 30 \times 3 \text{ ngày} = 830.000đ$**

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của Ao số 3 xã Mỹ An, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 411.915.438đ

Như vậy có căn cứ buộc công ty M trả ông Ngô Thành Khoảnh số tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.391.296.256đ (một tỷ ba trăm chín mươi một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng)

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của ông Ngô Thành K là có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là chưa phù hợp với nhận định trên nên ghi nhận mà không chấp nhận.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại.
- Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Thành K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Thành K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DSST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành Phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Thành K.

1. Hủy đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thành K đã rút với số tiền 423.724.129đ (bốn trăm hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng)

2. Buộc Công ty M trả ông Ngô Thành K số tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.391.296.256đ (một tỷ ba trăm chín mươi một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng)

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Thành K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Công ty M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 53.738.887đ (năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng)

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Ngô Thành K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Mỗi đ/s một bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc

